TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 28-7-2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Phiếu
2. Ông Hà Quang Văn.

- *Thư ký phiên toà:* Ông Nguyễn Văn Bình – Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Ntham gia phiên tòa: Ông Đào Sỹ Kiều.

Ngày 28 tháng 7 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nmở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 42/2021/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2021 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2021/QĐ-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Ph, huyện N, tỉnh Ninh Bình

- Bị đơn: Anh Lương Văn T, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Ph, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 3 năm 2021 và bản tự khai, nguyên đơn Chị Nguyễn Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và Anh Lương Văn T kết hôn với nhau và có đăng ký tại Uỷ ban nhân dân xã Ph, huyện N, tỉnh Ninh Bình vào ngày 26/10/2016 trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng anh chị sinh

sống cùng gia đình chị tại Thôn Đ, xã Ph, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Tuy nhiên hai vợ chồng chỉ hạnh phúc được hơn 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp nhau về mọi mặt. Nguyên nhân chính là do anh Tchơi bời không quan tâm đến gia đình và vợ con. Hiện nay chị và con đã về bên bố mẹ đẻ chị ở, anh chị đã ly thân, không ai quan tâm đến ai về mọi mặt. Nay chị xác định mâu thuẫn giữa chị và anh Ttrầm trọng, không còn tình cảm vợ chồng nên chị xin ly hôn với anh Tđể ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị xác định chị và anh Tcó 01 con chung là cháu Lương Thành Đsinh ngày 16/7/2017, hiện cháu đang ở với chị. Nếu ly hôn nguyện vọng của chị xin được nuôi cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị yêu cầu anh Tcấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng là 1500.000 đồng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Đối với Anh Lương Văn T mặc dù đã biết việc Tòa án nhân dân huyện Nđã thụ lý giải quyết vụ án chị Bxin ly hôn với anh, nhưng anh Tvẫn không gửi văn bản trả lời thông báo thụ lý vụ án đến Tòa án và cũng không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Theo biên bản xác minh của Tòa án với Ủy ban nhân dân xã Ph thì hiện nay anh Tvẫn có hộ khẩu và đang sinh sống cùng với gia đình tại Thôn Đ, xã Ph, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo và giấy triệu tập của Tòa án cho ông Lương Văn Đ là bố đẻ của anh T, ông Đ nhận và cam đoan giao cho anh T.

Tại đơn xin xử vắng mặt, nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với Anh Lương Văn T và xin giải quyết về con chung.

Ngày 10 tháng 3 năm 2021 Tòa án nhân dân huyện Nđã thụ lý vụ án về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo đơn khởi kiện của Chị Nguyễn Thị B. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Nđã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng thủ tục pháp luật quy định.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

***Về tố tụng:**

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Do bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn Đ, xã Ph, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Toà án nhân dân huyện Nthụ lý giải quyết tranh chấp là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc thụ lý vụ án đúng quy định của pháp luật.

- *Việc xác định quan hệ tranh chấp:* Căn cứ đơn khởi kiện, Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Việc giao nộp tài liệu chứng cứ:* Thực hiện đúng các quy định tại Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, các tài liệu là bản sao đều có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.

- *Phiên họp kiểm tra tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải*: thực hiện đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về thời hạn chuẩn bị xét xử:* Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo về hình thức, nội dung.

- *Thời hạn gửi hồ sơ, văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát:* Đảm bảo quy định của pháp luật, việc tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đã có đơn xin xử vắng mặt. Bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

Đề nghị HĐXX: Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 5, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng: Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Nguyễn Thị B. Xử ly hôn giữa Chị Nguyễn Thị B và Anh Lương Văn T.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cháu Lương Thành Đsinh ngày 16/7/2017 cho chị Btiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Tphải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Bmỗi tháng 1.500.000 đồng, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu đủ 18 tuổi.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị B phải chịu án phí ly hôn theo quy định. Anh Lương Văn T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại Thôn Đ, xã Ph, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. **Về nội dung:** *Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:*

[2.1].Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa Chị Nguyễn Thị B và Anh Lương Văn T là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên hai bên chỉ chung sống được với nhau thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm, không hợp nhau về mọi mặt. Nguyên nhân chính là do anh Tchơi bời không quan tâm đến vợ con, chị Bđã cùng con về bên mẹ đẻ ở nhưng anh Tcũng bỏ mặc không có thiện chí muốn vợ quay về để đoàn tụ. Hiện nay anh chị ly thân không ai quan tâm đến ai. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa hai bên chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bvới anh Tlà có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2].Về con chung: chị Bvà anh Tcó 01 con chung là cháu Lương Thành Đsinh ngày 16/7/2017. Nguyện vọng của chị Bxin tiếp tục nuôi cháu. Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay chị Bkhỏe mạnh, có thu nhập, cháu Đạt đang ở độ tuổi còn nhỏ cần sự quan tâm chăm sóc đặc biệt của người mẹ. Mặt khác từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, anh Tcũng không đưa ra bất cứ ý kiến hay hành động gì về việc nuôi con . Do vậy, để đảm bảo sự ổn định, lợi ích mọi mặt của cháu Đạt nên giao cháu Đạt cho chị Btiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là có căn cứ theo Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị Bcó yêu cầu anh Tphải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là 1500.000 đồng/ tháng. Hội đồng xét xử xét thấy: Anh Tlà lao động tự do, bản thân khỏe mạnh không phải nuôi dưỡng ai. Xét cháu Đạt đang đến tuổi đi học nên việc cấp dưỡng cho cháu Đạt là cần thiết, vì vậy yêu cầu của chị Blà có căn cứ cần được chấp nhận theo Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình.

.

[2.4]. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.5]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: chị Bphải nộp theo quy định của pháp luật.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Tphải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83, 84. 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Điều 357 Bộ luật Dân sự.

- Áp dụng: Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Nguyễn Thị B. Xử ly hôn giữa Chị Nguyễn Thị B và Anh Lương Văn T.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cháu Lương Thành Đ sinh ngày 16/7/2017, hiện cháu đang ở với chị B cho chị B tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác.

Anh Tcó trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Blà 1.500.000 đồng/1 tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Đạt đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác.

Sau khi ly hôn, ngời không trực tiếp nuôi con có quyền nghĩa vụ thăm nom con mà không ai đợc cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc và nuôi dỡng, giáo dục con thì ngời trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ngời đó.

Kể từ ngày chị Bcó đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Tkhông thi hành hết số tiền cấp dưỡng nuôi con theo thỏa thuận thì hàng tháng anh Tcòn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị B phải nộp toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị Bđã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí ly hôn số AA/2019/0000240 ngày 10/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lương Văn T phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *TAND tỉnh Ninh Bình;*
- *VKSND huyện N;*
- *Chi cục THADS huyện N;*
- *UBND xã Ph;*
- *Lưu*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Nguyễn Thị Hương Quỳnh